



Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 78/2026/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước
về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn số 90/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14, Luật số 64/2020/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 04 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn; Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 83/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 219/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

Căn cứ Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực khí tượng thủy văn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 10 năm 2026 và thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Điện Biên;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Công ty TNHH Quản lý thủy nông Điện Biên;
- Các Doanh nghiệp vận hành các nhà máy thủy điện;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, NC, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lò Văn Cương



QUY CHẾ
Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn
và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Điện Biên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 78/2026/QĐ-UBND)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn (KTTV) và biến đổi khí hậu (BĐKH) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (sau đây gọi tắt là các tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý nhà nước về KTTV và BĐKH; việc phối hợp được thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm chủ động, thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Việc phối hợp phải tuân thủ quy định của pháp luật, bảo đảm không ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân; bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, tránh chồng chéo, trùng lặp về nội dung và thẩm quyền.

4. Bảo đảm việc chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV và BĐKH kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật; phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội, phòng, chống thiên tai và thích ứng với BĐKH.

5. Việc phối hợp theo Quy chế này không làm phát sinh thủ tục hành chính, không đặt ra thêm thành phần hồ sơ, trình tự, thời hạn giải quyết hoặc các yêu cầu khác trái với quy định của pháp luật; bảo đảm không làm tăng chi phí tuân thủ đối với tổ chức, cá nhân.

Chương II

NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Xây dựng, góp ý, tổ chức triển khai và theo dõi thi hành các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về KTTV và BDKH.
2. Quản lý hoạt động KTTV và BDKH theo quy định của pháp luật; quản lý mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng, công trình KTTV, hành lang kỹ thuật công trình KTTV; thực hiện các nhiệm vụ về cấp phép, kiểm tra và quản lý hoạt động thuộc thẩm quyền của địa phương.
3. Thu thập, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV và BDKH; xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.
4. Thẩm định, tham gia ý kiến chuyên môn; tham mưu thực hiện việc lồng ghép nội dung KTTV, BDKH vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án theo quy định của pháp luật.
5. Quản lý, huy động và sử dụng các nguồn lực phục vụ hoạt động KTTV, BDKH; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực KTTV.
6. Tiếp nhận, truyền phát, cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo KTTV; tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng về KTTV, BDKH và phòng, chống thiên tai.
7. Kiểm tra, xử lý vi phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; phối hợp phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực KTTV và BDKH.
8. Phối hợp bảo vệ công trình KTTV, hành lang kỹ thuật công trình KTTV; phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại công trình theo quy định của pháp luật và thực hiện các nội dung phối hợp khác theo quy định.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu bằng văn bản, thông qua hệ thống quản lý văn bản điện tử, cơ sở dữ liệu dùng chung, thư điện tử hoặc các phương thức điện tử khác theo quy định.
2. Tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, giao ban, sơ kết, tổng kết hoặc các hình thức làm việc phù hợp để trao đổi, thống nhất nội dung phối hợp.
3. Thành lập đoàn công tác, tổ công tác liên ngành; phối hợp kiểm tra, xử lý các vụ việc theo quy định của pháp luật.
4. Phối hợp trong quá trình giải quyết các vụ việc phát sinh; lấy ý kiến, tham gia ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức phù hợp đối với các nội dung thuộc phạm vi phối hợp.

Điều 5. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTV và BĐKH trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

a) Về quản lý hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV:

Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV đối với tổ chức, cá nhân theo quy định tại Nghị định số 113/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng thủy văn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2020/NĐ-CP, Nghị định số 22/2023/NĐ-CP và Nghị định số 136/2025/NĐ-CP.

Chủ trì kiểm tra, đôn đốc việc tiếp nhận và truyền, phát tin dự báo, cảnh báo KTTV trên địa bàn; theo dõi, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng tin dự báo, cảnh báo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai.

b) Về quản lý tác động vào thời tiết và trao đổi dữ liệu quốc tế:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh tham mưu thẩm định, giám sát việc thực hiện kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính tỉnh theo phân quyền tại Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Tham mưu thực hiện việc trao đổi thông tin, dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

c) Về quản lý mạng lưới trạm và công trình KTTV:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng; theo dõi việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Chủ trì tham gia ý kiến về chuyên môn, kỹ thuật KTTV đối với các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình KTTV chuyên dùng của địa phương sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; phối hợp với cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thẩm định dự án theo quy định.

Tổ chức bảo vệ công trình KTTV và hành lang kỹ thuật công trình KTTV thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với các cơ quan Trung ương giải quyết các hành vi vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh.

d) Về quản lý dữ liệu và lồng ghép nội dung chuyên ngành:

Xây dựng, quản lý, lưu trữ và vận hành cơ sở dữ liệu KTTV, giám sát BĐKH của tỉnh; thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu quốc gia.

Chủ trì rà soát, xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ tại các vị trí trên sông thuộc phạm vi quản lý, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

Tổ chức thẩm định, thẩm tra và đánh giá việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

đ) Về kiểm tra và xử lý vi phạm:

Đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về KTTV đối với các chủ công trình phải quan trắc và cung cấp thông tin KTTV theo quy chuẩn kỹ thuật tại Thông tư số 13/2023/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng.

Xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực KTTV theo thẩm quyền và mức xử phạt quy định tại Nghị định số 219/2026/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khí tượng thủy văn

2. Sở Tư pháp

a) Thực hiện rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực KTTV và BDKH để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương.

b) Kiểm tra theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật về KTTV và BDKH trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong quá trình quản lý nhà nước chuyên ngành.

c) Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật; tuyên truyền, giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật mới về KTTV, ứng phó BDKH nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KTTV, BDKH theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Phối hợp tham gia ý kiến về cơ chế, chính sách tài chính và việc lồng ghép các nội dung liên quan đến KTTV, BDKH vào các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Tham mưu việc tài trợ, đặt hàng các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo liên quan đến các hoạt động KTTV, giám sát BDKH.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về công nghệ, tham gia ý kiến về công nghệ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; thẩm định cơ sở khoa học các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh về KTTV và BDKH.

5. Sở Công Thương

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy định về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV đối với các công trình thuộc phạm vi quản lý của ngành theo quy định.

b) Tham gia thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo KTTV đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

c) Chủ trì rà soát, hướng dẫn triển khai các chính sách về năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

d) Phối hợp rà soát, cập nhật thông tin về các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý; thực hiện các nhiệm vụ về kiểm kê, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với BĐKH theo quy định của pháp luật.

6. Sở Xây dựng

a) Chủ trì thẩm định dự án, thiết kế xây dựng đối với công trình KTTV chuyên dùng thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về xây dựng; lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với các nội dung chuyên môn, kỹ thuật KTTV.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và Ủy ban nhân dân các địa phương liên quan trong công tác quy hoạch, cấp giấy phép xây dựng nhằm bảo đảm phạm vi an toàn hành lang kỹ thuật công trình KTTV theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện lồng ghép kết quả giám sát BĐKH, kịch bản BĐKH và các bản đồ rủi ro thiên tai vào quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; bảo đảm sự đồng bộ giữa quy hoạch xây dựng với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành tài nguyên, môi trường.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực xây dựng đô thị, hạ tầng kỹ thuật về khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV; đề xuất áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn về công trình xanh, vật liệu thân thiện môi trường và hạ tầng đô thị bền vững nhằm thích ứng với BĐKH.

đ) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình rà soát, xây dựng quy định mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ; cung cấp thông tin, số liệu và tham gia xác định các vị trí có liên quan đến hệ thống đô thị, khu dân cư, công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

e) Quản lý, thu thập và cung cấp dữ liệu KTTV từ các công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý có quan trắc chuyên dùng cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu KTTV và BĐKH của tỉnh.

g) Phối hợp thực hiện kiểm kê khí nhà kính, theo dõi và giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn theo lộ trình quy định tại Nghị

định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

7. Thanh tra tỉnh

a) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về KTTV và BĐKH; phối hợp xử lý hoặc kiến nghị xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra và quản lý nhà nước theo quy định.

8. Công an tỉnh

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tham gia ý kiến thẩm định kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, thực hiện các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại các khu vực xảy ra thiên tai, sự cố KTTV hoặc khu vực triển khai các hoạt động tác động vào thời tiết trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp triển khai các kế hoạch, phương án ứng phó với BĐKH, phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và phòng thủ dân sự; sẵn sàng huy động lực lượng, phương tiện thuộc phạm vi quản lý tham gia ứng phó các tình huống khẩn cấp theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh.

d) Thực hiện kiểm tra đột xuất và đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về KTTV và BĐKH theo thẩm quyền.

đ) Trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV chuyên dùng phục vụ mục đích an ninh và phòng, chống tội phạm với các cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu theo cơ chế phối hợp chung của tỉnh.

9. Các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước được giao

a) Thực hiện việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp lồng ghép nội dung BĐKH, kết quả giám sát, kịch bản BĐKH và thông tin về rủi ro thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Phối hợp rà soát, cập nhật thông tin về các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc phạm vi quản lý; thực hiện các nhiệm vụ về kiểm kê, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với BĐKH theo quy định.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng; cung cấp thông tin, dữ liệu về hoạt động KTTV

chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý để phục vụ công tác quản lý nhà nước và xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung.

đ) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về KTTV và BĐKH trong phạm vi quản lý; phối hợp thực hiện các nhiệm vụ đột xuất về phòng, chống thiên tai, phòng thủ dân sự và ứng phó BĐKH theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

10. Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Điện Biên

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham gia góp ý xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch, đề án và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực KTTV, ứng phó BĐKH theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền.

b) Cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo KTTV, thông tin giám sát BĐKH cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

c) Thực hiện chế độ phát báo kịp thời các hiện tượng KTTV nguy hiểm như nắng nóng, bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất cho các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan thông tin đại chúng theo quy định; đồng thời thu nhận, xử lý và phát báo bổ sung các tin thời tiết cực đoan theo chỉ đạo đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc từ mạng lưới trạm KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để phục vụ công tác quản lý nhà nước và xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV, BĐKH dùng chung của tỉnh.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình KTTV xây dựng phương án cấm mốc giới xác định hành lang kỹ thuật công trình thuộc phạm vi quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức công bố công khai, thực hiện cấm mốc trên thực địa và bàn giao mốc giới cho địa phương quản lý theo quy định; phối hợp kiểm tra và đề xuất xử lý các hành vi vi phạm hành lang kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

e) Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ điều tra cơ bản về KTTV; rà soát hiện trạng mạng lưới công trình KTTV trên địa bàn, đề xuất phương án phát triển, nâng cấp các trạm quan trắc chuyên dùng và trạm giám sát BĐKH đáp ứng yêu cầu thực tiễn của tỉnh.

g) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, đánh giá độ chính xác của thông tin, số liệu KTTV được sử dụng để tính toán các đặc trưng thiết kế trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các dự án đầu tư xây dựng công trình trọng điểm trên địa bàn.

h) Chủ trì hoặc phối hợp ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và kỹ thuật số vào công tác đo đạc, khảo sát, dự báo và giám sát BĐKH; bảo đảm chất lượng bản tin dự báo thiên tai nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

i) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước các cấp thực hiện hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức chuyên ngành, giáo dục pháp luật về KTTV và trách nhiệm bảo vệ công trình KTTV cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

k) Phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng kịch bản, phương án phòng thủ dân sự, ứng phó thiên tai và đề xuất các biện pháp thích ứng với BĐKH phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh Điện Biên.

l) Thực hiện các hoạt động tư vấn, cung cấp dịch vụ về KTTV và BĐKH cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý.

11. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh

a) Tiếp nhận, xử lý và truyền phát các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai, thông tin về diễn biến thời tiết, khí hậu, thủy văn nguy hiểm do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền cung cấp để kịp thời tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, điều hành công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

b) Chủ trì, chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã xây dựng, cập nhật phương án phòng thủ dân sự, kế hoạch ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; trực tiếp chỉ huy các hoạt động ứng phó khẩn cấp và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quản lý, đặc biệt đối với các loại hình thiên tai đặc thù tại địa phương như lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

c) Tổ chức hiệp đồng lực lượng và phương tiện để ứng phó, xử lý kịp thời các tình huống thiên tai cực đoan như bão, mưa lớn, ngập úng, động đất; quyết định các biện pháp khẩn cấp theo thẩm quyền nhằm bảo vệ tính mạng của người dân, an toàn sản xuất và các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh.

d) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro và tổn thất do BĐKH gây ra; thực hiện lồng ghép kết quả giám sát biến đổi khí hậu và các kịch bản BĐKH vào chiến lược, kế hoạch, quy hoạch và phương án phòng thủ dân sự cấp tỉnh nhằm nâng cao năng lực thích ứng của địa phương.

12. Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên

a) Tổ chức truyền, phát kịp thời, đầy đủ và chính xác các bản tin dự báo, cảnh báo KTTV do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Điện Biên, Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Bắc, Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia cung cấp và các thông tin về giám sát BĐKH phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Điện Biên, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các chương trình, chuyên mục phát thanh, truyền hình chuyên đề nhằm tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật và nâng cao nhận thức, năng lực ứng phó của cộng đồng đối với các hiện tượng KTTV nguy hiểm và BĐKH.

c) Thực hiện chế độ ưu tiên truyền, phát các bản tin dự báo, cảnh báo thiên tai KTTV và các văn bản chỉ đạo, công điện khẩn về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm

cứu nạn do Đài Khí tượng thủy văn tỉnh và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh cung cấp theo đúng quy định của Luật Khí tượng thủy văn và pháp luật về báo chí.

Điều 6. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện chức năng quản lý nhà nước về KTTV và BDKH tại địa phương, có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, kế hoạch, chương trình về KTTV và BDKH thuộc phạm vi quản lý; thực hiện sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường và cơ quan có thẩm quyền.

2. Theo dõi việc chấp hành pháp luật về KTTV của tổ chức, cá nhân trên địa bàn; phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền.

3. Tiếp nhận, truyền phát kịp thời tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến cộng đồng dân cư và tổ chức trên địa bàn; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; huy động lực lượng tại chỗ theo quy định.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức về KTTV và BDKH; phối hợp bảo vệ công trình KTTV, hành lang kỹ thuật công trình KTTV trên địa bàn; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi lấn chiếm, xâm hại công trình.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác về KTTV, BDKH, phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các Hiệp hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Điện Biên và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các tổ chức xã hội và xã hội - nghề nghiệp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức và giáo dục pháp luật về KTTV, BDKH nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia bảo vệ an toàn các công trình KTTV, hành lang kỹ thuật công trình KTTV; kịp thời phát hiện và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi lấn chiếm, xâm hại hoặc vi phạm quy định về bảo vệ công trình KTTV theo mức xử phạt quy định tại Nghị định số 219/2026/NĐ-CP.

Khuyến khích và hướng dẫn cộng đồng thực hiện quyền và nghĩa vụ trong việc tiếp nhận, khai thác, sử dụng hiệu quả thông tin, dữ liệu KTTV và kết quả giám sát BDKH để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh; bảo đảm việc sử dụng thông tin KTTV trong các dự án đầu tư phát triển tuân thủ đúng quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có công trình KTTV chuyên dùng; các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành

1. Các tổ chức, cá nhân có công trình KTTV chuyên dùng

a) Thực hiện việc thành lập, di chuyển, giải thể trạm KTTV chuyên dùng theo quy định của pháp luật và kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng có liên quan.

b) Thực hiện việc thông báo, cung cấp thông tin về trạm KTTV chuyên dùng cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình trong việc xác định, quản lý, bảo vệ công trình và hành lang kỹ thuật công trình KTTV theo quy định.

d) Thực hiện quan trắc KTTV, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo và cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật.

đ) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, dữ liệu KTTV do mình cung cấp và chấp hành các quy định về bảo vệ công trình KTTV.

2. Cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính có trách nhiệm thực hiện kiểm kê, cung cấp thông tin, số liệu và thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình rà soát, tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm kê.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Sơ kết, tổng kết, báo cáo, thống kê

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo, thống kê theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp tình hình thực hiện Quy chế; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Việc sơ kết, tổng kết thực hiện Quy chế được tổ chức theo yêu cầu quản lý và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế được thực hiện theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật.